TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Nhàn

2. Ông Phạm Văn Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Hường - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T; địa chỉ: Nhà số …, ngách …, ngõ 126 H, phường K, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Trần Ngọc C, Luật sư Công ty Luật TNHH H; địa chỉ: Tầng …, Tòa nhà …, ngõ … Tr, phường D, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và ông Nguyễn Cảnh N, Luật sư Công ty Luật TNHH một thành viên Đồng T; địa chỉ: Số … phường K, phường D, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Đoàn Luật sư thành phố H; ông C có mặt, ông N vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Đ; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị M; cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; cụ M vắng mặt, cụ Th có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Phương Thảo; địa chỉ: Phòng …, CT..A, Tr, Tổ …, phường Đ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T trình bày:

Bố mẹ đẻ chị ông Nguyễn Văn M và bà Đỗ Thị Minh Th có 02 con chung gồm chị và chị Nguyễn Thị Phương Thảo, không còn con nuôi, con nhận nào khác. Năm 2007, ông Nguyễn Văn M được ông nội chị là cụ Nguyễn Văn Th tặng cho riêng thửa đất số 02Đ+495A, tờ bản đồ số 39, diện tích 238m^2 đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 687583 cấp ngày 09/12/2009. Ngày 05/9/2017, ông M và bà Thái ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 29/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, về tài sản chung bố mẹ chị tự thỏa thuận. Đối với thửa đất số 02Đ+495A, diện tích 238m^2 là tài sản riêng nên ông M quản lý, sử dụng. Ngoài ra ông M còn sở hữu 01 nhà xây tại Cát Bà do bố mẹ chị tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Khoảng năm 2018, ông M đã bán nhà tại Cát Bà để lấy tiền xây dựng 01 nhà cấp 4 và các công trình khác trên thửa đất được cụ Th cho tại xã Đ, huyện An Dương, Hải Phòng. Quá trình sử dụng đất ông M cho ông Nguyễn Văn S là em trai ông M diện tích đất khoảng 30m^2 để làm nhà, ông M có viết giấy xác nhận cho đất ông S. Sau khi làm nhà xong ông M quản lý nhà đất cho đến ngày 25/3/2020 ông M đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị Đ. Sau kết hôn bà Đ về chung sống với ông M tại nhà đất của ông M, bản thân bà Đ không có nghề nghiệp gì chỉ sống dựa vào lương hưu hàng tháng của ông M hơn 8.000.000đồng/1 tháng. Trong thời gian chung sống với bà Đ, ông M, bà Đ có làm thêm trên đất bể nuôi cá, bếp... Ngày 01/5/2022, ông M chết không để lại di chúc. Di sản ông M để lại gồm: Thửa đất số 02Đ+495A, tờ bản đồ số 39, diện tích: 238m^2 đất ở tại nông thôn, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 687583 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp ngày 09/12/2009 mang tên ông Nguyễn Văn M và toàn bộ tài sản trên đất; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013667433 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh KV An Hưng - Bắc Hải Phòng (2113) trị giá: 500.000.000đồng (năm trăm triệu) và khoản tiền lãi phát sinh, kỳ hạn 05/10/2020 - 05/11/2021 mang tên Nguyễn Văn M. Ngoài ra sau khi ông M mất chị có nhận số tiền tuất của ông M là 39.000.000đồng tại Bảo hiểm xã hội huyện Cát Hải, số tiền này chị đã đưa cho cụ Th chi phí đám tang, cúng úp mộ cho ông M. Nay chị đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế do ông M để lại là toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất hiện bà Hoàng Thị Đ đang quản lý sử dụng có diện tích là 195,7m^2 theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ tài sản của Tòa án. Đối với diện tích đất ông M đã cho ông Nguyễn Văn S, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần

diện tích đất ông M đã sử dụng lấn ra hành lang đường công cộng chị sẽ trả lại Nhà nước khi có thông báo thu hồi. Do hiện tại chị không có nhà đất để ở, phải thuê nhà trên Hà Nội sinh sống nên đề nghị Tòa án giao toàn bộ căn nhà và diện tích đất ông M để lại cho chị sử dụng sinh sống và làm nơi thờ cúng ông M.

Đối với quan điểm của cụ Th, cụ M, chị Th đề nghị Tòa án giao cho chị toàn bộ kỷ phần di sản của ông M để lại sau khi Tòa án phân chia, chị đồng ý nhận phần di sản do cụ Th, cụ M và chị Th cho và nhận nộp toàn bộ án phí dân sự cho cụ Th, cụ M nếu hai cụ phải nộp và chị Th theo quy định, chị sẽ có trách nhiệm thanh toán cho bà Đ kỷ phần bà Đ được hưởng. Việc bà Đ đề nghị được nhận nhà và một phần đất chị không đồng ý. Khoản chi phí bà Đ trình bày thắp hương ngày 01, ngày 15 hàng tháng, cúng tuần, ngày 49, giỗ đầu.. cho ông M chị không đồng ý vì gia đình chị đã cúng cho ông M.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ diện tích đất 195,7m^2 và tài sản có trên đất, số tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu) gốc và lãi phát sinh tại 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013667433 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh KV An Hưng - Bắc Hải Phòng (2113) cho chị T quản lý sử dụng, chị T sẽ thanh toán cho bà Đ kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông M theo quy định.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống bà và ông M không có con chung. Ông M có vợ đã ly hôn và 02 con chung chị Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Thị Phương Thảo. Khi bà và ông M kết hôn, bà về chung sống với ông M tại nhà cấp 4 trên diện tích đất ở thôn T, xã Đ, huyện An Dương của ông M có từ trước khi kết hôn với bà. Quá trình sống chung bà và ông M có xây dựng thêm 4 bể nước để nuôi cá, làm thêm 01 gian bếp, sửa cổng, bản thân bà không có thu nhập, sống dựa vào lương hưu hàng tháng hơn 8.000.000đồng của ông M. Trong thời gian bà chung sống với ông M, ông M có gửi 01 khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng với số tiền 500.000.000đồng. Số tiền này là tiền của ông M có từ trước khi kết hôn với bà. Ngày 01/5/2022, ông M bị đột quỵ chết không để lại di chúc. Sau khi ông M chết bà là người quản lý, sử dụng nhà, đất của ông M. Khi ông M chết, gia đình cụ Th đã bỏ toàn bộ tiền ra lo đám tang cho ông M, sau đó bà phải lo cúng tuần, cúng 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu, mua hoa quả thắp hương vào ngày 01, 15 hàng tháng, mua 02 mâm bát đĩa, nồi.. chi phí hết 36.800.000đồng. Ngoài ra chị T là con ông M đã nhận số tiền tuất của ông M số tiền 39.000.000đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T bà có quan điểm do bà không còn chỗ ở nào khác nên đề nghị Tòa án chia cho bà diện tích đất khoảng 50m^2 trong tổng diện tích đất ông M để lại, trên đất có gian nhà bà đang ở để bà thờ cúng ông M, trong

đó có cả phần tài sản bà và ông M xây dựng trên đất theo kết quả đo đạc khảo sát của Tòa án có diện tích đất 195,7m^2 bà đang quản lý, sử dụng. Đối với phần diện tích đất khi ông M còn sống đã cho ông Nguyễn Văn S bà thống nhất với quan điểm của chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần diện tích đất và tài sản trên đất ông M đã làm lấn đường công cộng, bà sẽ trả lại Nhà nước khi có thông báo thu hồi. Khoản tiền gốc, lãi ông M gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng và tiền tuất chị T đã nhận, số tiền 36.800.000đồng bà chi thắp hương hàng tháng, cúng tuần, 49 ngày….. cho ông M như bà đã trình bày ở trên, bà đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho bà. Việc chị T đề nghị được nhận toàn bộ nhà, đất và số tiền trong sổ tiết kiệm ông M để lại và thanh toán kỷ phần di sản bà được hưởng bằng tiền cho bà, bà không đồng ý. Trường hợp chị T nhận toàn bộ số di sản ông M để lại, bà đề nghị chị T thanh toán cho bà số tiền 590.000.000đồng.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Thu Th, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Th trình bày:

- Cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị M thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Văn M là con trai của hai cụ. Năm 2007, hai cụ chia tách mảnh đất của ông cha để lại tại thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cho các con và một phần còn lại các cụ để ở trong đó ông M được chia diện tích đất 238m^2. Sau khi được chia đất ông M được Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018, ông M ly hôn với vợ là bà Thái tại Cát Bà và chuyển về làm nhà trên diện tích đất hai cụ cho. Cùng thời điểm này vợ chồng ông Nguyễn Văn S là em ông M cũng làm nhà, ông M đã viết giấy cho ông S diện tích đất 30m^2 của ông M. Sau khi ông M xây nhà trên đất sử dụng cho đến đầu năm 2020, ông M kết hôn với bà Hoàng Thị Đ. Bà Đ và ông M sinh sống trên thửa đất được khoảng 02 năm thì ông M chết không để lại di chúc, gia đình hai cụ đã phải chi phí đám tang, cúng tuần, ngày 49, giỗ đầu, úp mộ cho ông M do bà Đ đã tuyên bố trả giỗ cúng ông M cho gia đình cụ, trong đó chị T con ông M có đưa cho hai cụ số tiền tuất của ông M 39.000.000đồng. Hiện tại nhà đất của ông M để lại bà Đ đang quản lý, sử dụng. Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của chị T, cụ Th, cụ M đồng ý cho chị T toàn bộ phần di sản được hưởng. Do diện tích đất có nguồn gốc là của ông cha để lại nên hai cụ đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà đất theo hiện trạng bà Đ đang sử dụng theo kết quả đo đạc khảo sát của Tòa án cho chị T để chị T sử dụng và thờ cúng ông M. Việc bà Đ đề nghị giao căn nhà và một phần đất ông M để lại cho bà Đ sử dụng, hai cụ không đồng ý. Đối với diện tích đất ông M đã cho ông S hai cụ không đề nghị Tòa án phân chia.

- Chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày: Thống nhất với quan điểm của chị T về nguồn gốc nhà đất ông M để lại, quan hệ huyết thống giữa chị và ông M, chị T, cụ Th, cụ M. Ngoài chị và chị T bố mẹ chị không còn con nhận, con nuôi nào khác. Năm 2020, bà Đ kết hôn với ông M và về sống chung tại nhà đất của ông M có trước khi kết hôn với bà Đ. Năm 2022, ông M chết không để lại di chúc. Việc chị T đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông M để lại gồm nhà đất tại thửa

đất 02Đ+ 495A, tờ bản đồ số 39, xã Đ, huyện An Dương theo hiện trạng bà Đ đang quản lý sử dụng và số tiền tiết kiệm 500.000.000đồng ông M gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng, chị đồng ý cho chị T toàn bộ phần di sản ông M để lại chị được hưởng. Do chị T hiện tại không có nơi ở nên đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà đất cho chị T quản lý sử dụng để chị T thờ cúng ông M. Đối với diện tích đất ông M đã cho ông S chị không đề nghị Tòa án phân chia

- Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Th thống nhất trình bày:

Năm 2009, bố mẹ ông bà có chia tách đất tại thôn T, xã Đ, huyện An Dương, Hải Phòng cho các con trong đó ông Nguyễn Văn M được chia 238m^2, ông Nguyễn Văn Dương 94m^2, ông bà được chia 192m^2 còn lại bố ông để lại để sử dụng là 110m^2. Sau khi chia đất cả 04 thửa đất đều đã được UBND huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được phân chia. Năm 2018, ông Nguyễn Văn M nghỉ hưu chuyển về làm nhà trên thửa đất được gia đình cho. Cùng lúc đó ông và ông Dương thỏa thuận ông bà làm nhà trên đất của ông Dương để ở sau này hai bên sẽ làm thủ tục chuyển nhượng đất cho nhau. Tại thời điểm ông M và ông bà làm nhà do diện tích đất của ông Dương giáp với cạnh đất của ông M nên ông M đã viết giấy cho ông bà diện tích đất 30m^2 để làm nhà, ông M và ông bà đã thống nhất mốc giới giữa hai bên và cùng tiến hành xây dựng nhà trên phần đất hai bên đã thống nhất xác định. Trên phần đất ông M cho ông bà đã xây bếp, làm sân...và quản lý sử dụng cho đến nay. Năm 2020, ông M kết hôn với bà Hoàng Thị Đ và về sinh sống tại nhà đất của ông M đến khi ông M chết. Việc chị T, chị Th, cụ Th, cụ M, bà Đ chỉ đề nghị Tòa án phân chia phần di sản ông M để lại theo hiện trạng bà Hoàng Thị Đ đang quản lý sử dụng ông bà không có ý kiến gì. Đối với phần diện tích đất ông M đã cho ông bà khi còn sống ông bà thống nhất với quan điểm của chị T, chị Th, cụ Th, cụ M, bà Đ tôn trọng ý nguyện của ông M khi còn sống không yêu cầu Tòa án giải quyết để các bên tự giải quyết với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71,73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 26, các điều 35; 39, 147, 266, 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; căn cứ các điều 95, 99, 167, điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai; căn cứ các điều 6; 12, 25, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M để lại là diện tích đất 195,7m^2 và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 02Đ+495A, tờ bản đồ số 39, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và khoản tiền tiết kiệm 500.000.0000đồng

ông M đã gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng. Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T quản lý, sử dụng diện tích đất 135,7m^2 và các công trình xây dựng, cây cối trên đất và số tiền 400.000.000đồng tại sổ tiết kiệm có kỳ hạn AD 00013667133 phát hành ngày 05/10/2020 người gửi Nguyễn Văn M tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng cùng với khoản tiền lãi phát sinh; giao cho bà Hoàng Thị Đ diện tích đất 60m^2 và toàn bộ tài sản trên đất; số tiền 100.000.000đồng tại sổ tiết kiệm có kỳ hạn AD 00013667133 phát hành ngày 05/10/2020 người gửi Nguyễn Văn M tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng cùng với khoản tiền lãi phát sinh; buộc các bên phải thanh toán cho cho nhau số tiền chênh lệch nếu có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T, bà Hoàng Thị Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế. Cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị M là người cao tuổi được miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện chia di sản thừa kế đối bà Hoàng Thị Đ có nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, Hải Phòng. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Phương Thảo, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Th, Công ty luật TNHH một thành viên Đồng Tâm Thăng Long vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cụ Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Phương Thảo, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Th, Công ty luật TNHH một thành viên Đồng Tâm Thăng Long.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M mất ngày 01/5/2022 đến ngày 16/3/2023, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự; thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về diện và hàng thừa kế: Tài liệu hồ sơ xác định, trước khi ông Nguyễn Văn M kết hôn với bà Hoàng Thị Đ vào ngày 25/3/2020 tại UBND xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, ông M đã có vợ là bà Đỗ Thị Minh Th, ông M bà Thái có 02 người con gồm chị Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Phương Thảo. Năm 2017, ông M bà Thái ly hôn, ông M và bà Đ không có con chung, ông M có bố là

cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị M và không có con nuôi, con nhận nào khác. Ngày 01/5/2022, ông M chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông M được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Th, cụ M, bà Đ và các con của ông M gồm chị T, chị Th.

[5] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án đã thu thập được có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn M trước khi mất có khối di sản gồm 01 căn nhà cấp 4 và các công trình xây dựng khác trên diện tích đất 238m^2 tại thửa đất số 495A + 2Đ, tờ bản đồ số 39; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Khoản tiền tiết kiệm 500.000.000đồng gốc và khoản tiền lãi phát sinh ông Nguyễn Văn M gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng; Phần di sản này được chia làm 05 kỷ phần cho cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị Phương Thảo và bà Hoàng Thị Đ mỗi người được hưởng 01 kỷ phần. Do cụ Th, cụ M, chị Th đều có quan điểm cho chị T toàn bộ kỷ phần thừa kế mình được hưởng nên chị T sẽ được hưởng 04 kỷ phần thừa kế di sản ông M để lại.

[6] Về phân chia di sản nhà đất, nguồn gốc di sản là nhà đất ông Nguyễn Văn M để lại: Năm 2007, cụ Nguyễn Văn Th là bố đẻ của ông Nguyễn Văn M đã chia tách diện tích đất của gia đình cho các con trong đó ông M được chia diện tích đất 238m^2. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 687583 cấp ngày 09/12/2009 mang tên Nguyễn Văn M. Năm 2017, ông M ly hôn với bà Thái tại huyện Cát Bà, ông M về xây dựng nhà, bếp trên diện tích đất được gia đình cho. Tại thời điểm ông M xây nhà ông M đã viết giấy cho ông Nguyễn Văn S là em trai ông M diện tích đất 30m^2 để ông S làm nhà trong tổng số diện tích đất của ông M, phần đất còn lại ông M xây dựng nhà, các công trình khác trên diện tích đất. Ông M quản lý, sử dụng nhà đất ngày 20/3/2020, ông M kết hôn với bà Hoàng Thị Đ tại UBND xã Đ, huyện An Dương. Bà Đ về sống chung với ông M trên nhà đất của ông M cho đến ngày 01/5/2022 ông M chết không để lại di chúc. Sau khi ông M chết bà Hoàng Thị Đ quản lý sử dụng nhà đất cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, cụ Th, cụ M, chị Th đều có quan điểm đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu T toàn bộ phần di sản được hưởng sau khi Tòa án phân chia và đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà đất ông M để lại cho chị T sử dụng làm nơi thờ cúng ông M. Chị T đồng ý nhận các kỷ phần thừa kế cụ Th, cụ M, chị Th cho, do hiện tại chị đang phải đi thuê nhà để ở tại Hà Nội nên đề nghị Tòa án giao cho chị toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất ông M để lại bà Đ đang sử dụng theo kết quả đo đạc khảo sát của Tòa án để chị sử dụng sinh sống và thờ cúng ông M. Bà Hoàng Thị Đ đề nghị Tòa án phân chia cho bà Đ diện tích đất khoảng 50m^2, trên đất có nhà để bà Đ ở thờ cúng ông M.

[7] Hội đồng xét xử, xét thấy theo kết quả đo đạc khảo sát tại chỗ tài sản của Tòa án vào ngày 22/8/2023, thửa đất số 495A + 02Đ, tờ bản đồ số 39; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có diện tích 226,3m^2 giảm so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 12,7m^2. Trong diện tích đất này phần nhà đất bà Đ đang sử dụng có diện tích đất

được giao là 195,7m^2 và 16,1m^2 đất công cộng, anh S quản lý sử dụng diện tích đất 30,6m^2. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều có quan điểm thống nhất chỉ đề nghị Tòa án phân chia phần di sản nhà đất ông M để lại theo hiện trạng thực tế bà Đ đang sử dụng theo kết quả đo đạc của Tòa án là diện tích đất 195,7m^2 và toàn bộ tài sản trên đất. Đối với diện tích đất ông M đã cho anh S 30,6m^2 không yêu cầu Tòa án phân chia.

[8] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện An Dương cấp cho ông Nguyễn Văn M diện tích đất gồm 02 thửa 495A và 2Đ, cung cấp của UBND xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tại bản đồ giải thửa và sổ mục kê xã còn lưu giữ từ năm 1995 thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39 ở thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng hiện vẫn đứng tên cụ Nguyễn Văn Th và được chia tách cho một số người, không có thửa đất số 495A. Diện tích đất của ông M có nguồn gốc được cụ Th làm thủ tục tặng cho từ năm 2009 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa chỉnh lý biến động trên sổ mục kê ruộng đất và bản đồ giải thửa tại xã. Diện tích đất thiếu hụt so với diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số trong quá trình đo đạc khi cấp giấy chứng nhận, diện tích đất gia đình ông M đang sử dụng lấn ra đường công cộng khi nào có thông báo thu hồi người sử dụng đất phải trả lại Nhà nước.

[9] Kết quả định giá tài sản, trị giá đất tại thời điểm Hội đồng định giá làm việc có giá là 3.500.000đồng/1m^2 x 195,7m^2 = 684.950.000đồng, mỗi kỷ phần được hưởng là 39,14m^2 có trị giá 136.990.000đồng (39,14m^2 x 3.500.000đồng/1m^2); trị giá nhà và các công trình xây dựng trên đất do ông M xây dựng trước khi kết hôn với bà Đ có trị giá 228.532.894đồng được chia cho 5 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần được hưởng 45.706.578đồng, trị giá các tài sản bà Đ ông M xây dựng thêm gồm bếp, bể nuôi cá …trong thời gian chung sống là 63.332.510đồng, phần tài sản là tài sản riêng của bà Đ là 31.666.255đồng (63.332.510đồng : 2), phần di sản của ông M để lại là 31.666.255đồng : 5 kỷ phần = 6.333.251đồng. Như vậy, kỷ phần tài sản trên đất những người thừa kế mỗi người được hưởng là 52.039.829đồng. Các đương sự không có thắc mắc gì về kết quả đo đạc khảo sát, định giá tài sản nhà đất.

[10] Chị T, bà Đ đều có quan điểm đề nghị Tòa án chia thừa kế bằng hiện vật. Do vậy, căn cứ vào hiện trạng tài sản để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự Hội đồng xét xử, xét thấy tài liệu hồ sơ xác định chị T, bà Đ hiện đều không có nơi ở. Tuy nhiên do nguồn gốc nhà đất là của ông M có trước khi kết hôn với bà Đ, chị T là con đẻ của ông M đang phải đi thuê nhà ở, bố mẹ ông M, chị Th đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà đất ông M để lại cho chị T sử dụng làm nơi thờ cúng ông M. Thời gian bà Đ chung sống với ông M được hai năm ông M chết, hai bên không có con chung nên không có căn cứ để xem xét giao phần đất có nhà cho bà Đ theo đề nghị của bà Đ. Do vậy, việc giao phần đất có nhà, các công trình xây dựng khác trên đất cho chị T quản lý là có căn cứ chấp nhận. Tại Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao; hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng; hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và diện tích tách thửa đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố

Hải Phòng quy định diện tích thửa đất mới hình thành sau khi tách tại huyện An Dương phải ≥ 60,0 m^2/thửa. Do vậy, giao cho chị T quản lý phần đất có nhà và các công trình khác có kích thước, vị trí như sau: Phía đông giáp phần đất ông S dài 9m; phía tây giáp phần đất giao cho bà Đ dài 7,3m; phía nam giáp hộ ông Phúc, ông Thắng dài 15,9m; phía bắc giáp lối đi chung dài 15,6m. Tổng diện tích 135,7m^2, trị giá 474.950.000đồng (3.500.000đồng/1m^2 x 135,7m^2) tại thửa đất số 495A + 2Đ (sổ mục kê số 02), tờ bản đồ số 39, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải phòng. Trên diện tích đất trên có 01 căn nhà, bếp, bể, cây cối…….có trị giá 273.417.407đồng;

[11] Giao cho bà Đ quản lý phần đất có kích thước, vị trí như sau: Phía đông giáp phần đất giao cho chị T dài 7,3m; phía tây giáp hộ ông Thắng dài 5,9m; phía nam giáp hộ ông Phúc dài 9,2m; phía bắc giáp lối đi chung dài 9,1m. Tổng diện tích 60m^2, trị giá 210.000.000đồng (3.500.000đồng/1m^2 x 60m^2) tại thửa đất số 495A(sổ mục kê số 02), tờ bản đồ số 39, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải phòng. Trên diện tích đất trên có bể, tường bao, mít ….có trị giá 18.346.347đồng; Do diện tích đất bà Đ được giao lớn hơn kỷ phần được hưởng nên bà Đ phải thanh toán lại cho các thừa kế khác trị giá 20,86m^2 x 3.500.000đồng/1m^2 = 73.010.000đồng.

[12] Về tài sản trên đất: Chị T được giao có trị giá 208.159.316đồng (52.039.829đồng x 4 kỷ phần); bà Đ sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế là 52.039.829đồng và 31.666.255 đồng tài sản riêng trong khối tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đ và ông M.

Phần diện tích đất giao cho chị T có tài sản trên đất trị giá là 273.417.407đồng (bao gồm nhà, công trình xây dựng trên đất và cây cối), còn phần tài sản trên đất bà Đ được giao là 18.346.347đồng có sự chênh lệch nên chị T phải thanh toán phần chênh lệch này cho Đức là: 33.693.482đồng (52.039.829đồng - 18.346.347đồng) + 31.666.255đồng = 65.359.737đồng. Như đã phân tích ở trên bà Đ phải thanh toán chênh lệch phần di sản là đất cho chị T và các đồng thừa kế khác số tiền 73.010.000đồng nên bà Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền chênh lệch chia di sản là diện tích đất, các tài sản trên đất là: 7.650.263đồng (73.010.000đồng - 65.359.737đồng).

[13] Ngoài ra trong quá trình sử dụng đất ông M còn lấn một phần đất đường công cộng là 16,1m^2 trên diện đất này ông M có công trình xây dựng tường bao... Đối với diện tích đất này khi nào Nhà nước có chủ trương thu hồi đất người được giao sử dụng đất phải có trách nhiệm chấp hành quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

[14] Về phân chia di sản khoản tiền gửi tiết kiệm ông Nguyễn Văn M để lại:

Ngày 05/10/2020, ông Nguyễn Văn M có gửi 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013667433 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh KV An Hưng - Bắc Hải Phòng (2113) trị giá: 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng) kỳ hạn 05/10/2020 - 05/11/2021 mang tên ông Nguyễn Văn M. Theo Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh KV An Hưng - Bắc Hải Phòng cung cấp ngày 04/10/2019 ông M có gửi số tiền

800.000.000đồng tại Ngân hàng đến ngày 05/10/2020 ông M đến Ngân hàng tất toán số tiền trên cả gốc và lãi được 853.749.100đồng. Số tiền này ông M gửi trước thời điểm kết hôn với bà Đ, ông M đã tách thành 03 sổ tiết kiệm gồm sổ AD 00013667433, số tài khoản 2113603077324, số tiền 500.000.000đồng; sổ AD 00013667434, số tài khoản 2113603077330, số tiền 100.000.000đồng; sổ AD 000136674432 , số tài khoản 2113601384011, số tiền 50.000.000đồng; số tiền lĩnh về 203.749.100đồng. Ngày 08/7/2021 và ngày 06/10/2021 ông M đã tất toán hai sổ tiết kiệm 50.000.000đồng và 100.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà Đ xác định khoản tiền trên là tài sản riêng của ông M có trước khi kết hôn với bà Đ. Như vậy, lời trình bày của bà Đ phù hợp với cung cấp của Ngân hàng. Do đó, số tiền 500.000.000đồng ông M gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh KV An Hưng - Bắc Hải Phòng là di sản thừa kế ông M để lại. Chị T sẽ được chia số tiền 400.000đồng (100.000.000đồng x 4 kỷ phần); bà Đ được chia số tiền 100.000đồng cùng với khoản tiền lãi phát sinh đến thời điểm thi hành án.

[15] Ngoài ra bà Đ đề nghị Tòa án xem xét khoản tiền bà Đ phải chi mua đồ thắp hương ngày 01 và ngày 15 hàng tháng, cúng tuần, 49 ngày, giỗ đầu, mua bát, đĩa, nồi ..từ khi ông M chết cho đến nay hết số tiền là 36.800.000đồng. Tại phiên tòa bà Đ xác nhận bát, đĩa, nồi….bà Đ đang giữ, bản thân bà Đ đã được hưởng thừa kế di sản của ông M để lại, không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thuê thầy cúng, chi mua đồ cúng; việc thắp hương ngày 01 và ngày 15 hàng tháng tại gia đình theo phong tục của dân tộc. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà Đ. Đối với số tiền tuất của ông M 39.000.000đồng chị T đã nhận. Chị T đã đưa lại cho cụ Th để cụ Th lo đám tang, cúng sau tang cho ông M, bà Đ cũng xác nhận chi phí đám tang của ông M là do gia đình cụ Th chi phí nên số tiền này không còn để phân chia.

[16] Như vậy, chị T được nhận kỷ phần thừa kế của ông M để lại có trị giá là 1.156.017.670đồng (400.000.000đồng tiền tiết kiệm + 474.950.000đồng tiền đất + 273.417.407đồng tài sản trên đất + 7.650.263đồng bà Đ thanh toán); bà Đ được nhận kỷ phần thừa kế có trị giá 328.346.274đồng (100.000.000đồng tiền tiết kiệm + 210.000.000đồng tiền đất + 18.346.274đồng tài sản trên đất) trong đó có 31.666.255 đồng tài sản riêng trong khối tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đ và ông M. Bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán lại cho chị T số tiền chênh lệch chia đi sản là 7.650.263đồng.

[17] Đối với phần di sản diện tích đất 30,6m^2 theo các đương sự trình bày ông Nguyễn Văn M đã cho ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Th sử dụng làm nhà. Các đương sự đều có quan điểm thống nhất không yêu cầu Tòa án phân chia. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu các đương sự có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[18] Về chi phí tố tụng: Tòa án đã xem xét thẩm định và định giá tài sản hết số tiền 12.860.000đồng, số tiền này nguyên đơn đã chi trả. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả chi phí tố tụng này cho

nguyên đơn trên số di sản thừa kế bị đơn được phân chia theo Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, số tiền là 2.572.000đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[19] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T, bà Hoàng Thị Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế ông M để lại. Cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị M là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự cho cụ Th, cụ M theo quy định.

[20] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35; các điều 39, 147, 227; 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; căn cứ các điều 95, 99, 167, điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai; căn cứ các điều 6, 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T đối với bà Hoàng Thị Đ về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M để lại đối với diện tích đất 195,7m^2 thuộc thửa đất số 495A + 2Đ (sổ mục kê số 02), tờ bản đồ số 39, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; số tiền gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và lãi phát sinh tại sổ tiết kiệm số AD00013667433, số tài khoản 2113603077324 ông Nguyễn Văn M gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh KV An Hưng - Bắc Hải Phòng.

1.1. Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 135,7m^2, tại thửa đất số 495A + 2Đ (sổ mục kê số 02) , tờ bản đồ số 39, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải phòng có kích thước, vị trí như sau: Phía đông giáp phần đất ông S dài 9m; phía tây giáp phần đất giao cho bà Đ dài 7,3m; phía nam giáp hộ ông Phúc, ông Thắng dài 15,9m; phía bắc giáp lối đi chung dài 15,6m có trị giá 474.950.000(bốn trăm bảy mươi tư triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng. Trên diện tích đất trên có 01 căn nhà, bếp, bể, cây cối ….có trị giá 273.417.407(hai trăm bảy mươi ba triệu bốn mười bảy nghìn bốn trăm ninh bẩy) đồng (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T số tiền tiết kiệm 400.000.000(bốn trăm triệu)đồng, trong số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu)đồng, ông Nguyễn Văn M đã gửi tại sổ tiết kiệm số AD00013667133, số tài khoản 2113603077324 ngày phát hành 05/10/2020 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam -

Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng, kỳ hạn 13 tháng cùng với khoản tiền lãi phát sinh đến thời điểm thi hành án.

1.2. Giao cho bà Hoàng Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 60m^2, tại thửa đất số 495A (sổ mục kê số 02), tờ bản đồ số 39, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải phòng có kích thước, vị trí như sau: Phía đông giáp phần đất giao cho chị T dài 7,3m; phía tây giáp hộ ông Thắng dài 5,9m; phía nam giáp hộ ông Phúc dài 9,2m; phía bắc giáp lối đi chung dài 9,1m có trị giá 210.000.000(hai trăm mười triệu) đồng. Trên diện tích đất trên có bể, tường bao, cây ..có trị giá 18.346.347(mười tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi bẩy) đồng; (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho bà Hoàng Thị Đ số tiền tiết kiệm 100.000.000(một trăm triệu) đồng, trong số tiền 500.000.000(năm trăm triệu)đồng ông Nguyễn Văn M đã gửi tại sổ tiết kiệm số AD 00013667133, số tài khoản 2113603077324 ngày phát hành 05/10/2020 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng, kỳ hạn 13 tháng cùng với khoản tiền lãi phát sinh đến thời điểm thi hành án.

1.3. Buộc bà Hoàng Thị Đ phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thu T số tiền chênh lệch chia di sản thừa kế trị giá nhà đất của ông M để lại là 7.650.263 (bẩy triệu sáu trăm năm mươi nghìn hai trăm sáu mươi ba) đồng.

Các bên được quyền liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng để làm thủ tục nhận phần di sản thừa kế của mình.

Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, các tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

1.4. Phần diện tích đất lấn ra đường công cộng là 16,1m^2 trên diện đất này có tường bao, cổng.. . Đối với diện tích đất này khi nào Nhà nước có chủ trương thu hồi đất người được giao sử dụng đất (có sơ đồ kèm theo) phải có trách nhiệm chấp hành quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.5. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu T số tiền 2.572.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tài sản được hưởng, cụ thể chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp số tiền là 23.340.265đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự chị T đã nộp 5.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (biên lai thu tiền số 0005107 ngày 26 tháng 5 năm 2023). Chị T phải tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 18.340.265đồng; bà Hoàng Thị Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 16.034.804đồng vào ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T.P Hải Phòng
- VKSND T.P Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương